

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/7/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **37** /VTSPK-TCKT

V/v: Công bố thông tin trên cổng thông tin
điện tử của UBCKNN và SGDCK TPHCM.

Tp. HCM, ngày 12 tháng 01 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE)

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế
Mã chứng khoán : GSP
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 08 222 05388 Fax: 08 222 05366
Người thực hiện CBTT: Ông Đỗ Đức Hùng.
Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 08 222 05388
Loại thông tin công bố: 24 giờ.

Nội dung thông tin công bố: Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2016. Cụ thể:

Ngày 12/01/2016, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 tại Nghị quyết số 02/NQ-VTSPK-HĐQT và Quyết định số 04/QĐ-VTSPK-HĐQT. Số liệu chi tiết như Nghị quyết và quyết định đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/01/2016 tại đường dẫn <http://gasshipping.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (dề b/c);
- Lưu: VT,TCKT(1b)

Tài liệu đính kèm:

NQ 02/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016
QĐ 04/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Đỗ Đức Hùng

Số: 02/NQ-VTSPK-HĐQT

Tp.HCM, ngày 12 tháng 1 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2013;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc Công ty ban hành kèm theo QĐ số 06/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 27/3/2014 của HĐQT;
- Căn cứ công văn 928/VTDK-KHĐT ngày 15/12/2015 của Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí về việc chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty Gasshipping;
- Căn cứ đề nghị của Giám đốc công ty tại Tờ trình số 1435/TTr-VTSPK ngày 30/12/2015.
- Căn cứ Biên bản số: 01/BB-VTSPK-HĐQT ngày 11/1/2016 cuộc họp HĐQT;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty Cổ phần vận tải sản phẩm khí Quốc tế như Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Điều 3: Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch được giao./.

Nơi nhận: 

-Như Điều 3;

-Ban kiểm soát;

-Lưu VT, HĐQT, (KP. 02).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tài Cường

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(Kèm theo Nghị quyết số ...02.../NQ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016)

I. Nhiệm vụ năm 2016:

- Khai thác hiệu quả, an toàn đội tàu vận chuyên LPG, đảm bảo vai trò đầu mối cung cấp tàu cho các đơn vị trong tập đoàn như Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn, Tổng công ty Khí Việt Nam/Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí và các khách hàng trong và ngoài nước. Giữ vững thị trường vận chuyên LPG trong nước và chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác.

- Hoàn thiện phương án vận tải và chuẩn bị đầu tư phương tiện để sẵn sàng vận chuyển toàn bộ sản lượng LPG bằng đường thủy cho Nhà máy Xử lý khí GPP Cà Mau của PV Gas/PV Gas Trading, đáp ứng đúng tiến độ vận hành của Nhà máy.

- Nghiên cứu triển khai đầu tư thay thế tàu đến hạn theo đúng quy định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Tổ chức sửa chữa định kỳ tàu Cửu Long Gas, Sài Gòn Gas và Oceanus 9 đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.

- Nghiên cứu đánh giá xu hướng thị trường vận tải LPG và đưa ra dự báo để có phương án và xác định thời điểm đầu tư 01 tàu vận chuyên LPG lạnh (có trọng tải đến 80.000 cbm - VLGC) tham gia vận chuyển trên thị trường quốc tế, chuẩn bị cho công tác vận chuyển đối với Dự án Hóa dầu miền Nam.

- Hoàn thành công tác tái cấu trúc Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty .

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Phấn đấu lấy được giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) để sẵn sàng đưa tàu ra khai thác trên thị trường quốc tế.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.

- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng công ty phát động.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

53
ÔN
Ồ
TÀI
HÍ
1-7

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

1/ Kế hoạch hợp nhất:

1.1 Kế hoạch tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Vốn Chủ sở hữu	480.0				
	<i>Trong đó: - Vốn điều lệ</i>	<i>300.0</i>				
2	Tổng doanh thu	1,000.0	241.2	253.7	252.0	253.1
2.1	Từ dịch vụ vận tải	569.2	142.0	142.2	142.4	142.6
2.2	Từ dịch vụ thương mại	415.0	96.8	103.1	107.1	108.0
2.3	Từ dịch vụ khác	0.8	0.2	0.2	0.2	0.2
2.4	Từ hoạt động tài chính	9.0	2.2	2.2	2.3	2.3
2.5	Từ hoạt động khác	6.0	-	6.0		
3	Tổng chi phí	918.0	223.3	233.1	233.1	228.5
3.1	Giá vốn hàng bán	853.0	207.6	217.6	216.1	211.7
	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>439.1</i>	<i>111.0</i>	<i>114.8</i>	<i>109.3</i>	<i>104.0</i>
	<i>Dịch vụ thương mại</i>	<i>413.9</i>	<i>96.6</i>	<i>102.8</i>	<i>106.8</i>	<i>107.7</i>
	<i>Dịch vụ khác</i>	<i>-</i>				
3.2	Chi phí hoạt động tài chính	9.0	1.8	1.6	2.9	2.7
3.3	Chi phí bán hàng	2.6	0.6	0.6	0.7	0.7
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.4	13.3	13.3	13.4	13.4
4	Lợi nhuận trước thuế	82.0	17.9	20.6	18.9	24.6
5	Lợi nhuận sau thuế	65.6	14.3	16.5	15.1	19.7
6	Nộp ngân sách Nhà nước	32.0	7.5	8.0	7.7	8.8
	<i>Trong đó: - Thuế thu nhập DN</i>	<i>16.4</i>	<i>3.6</i>	<i>4.1</i>	<i>3.8</i>	<i>4.9</i>
	<i>- Thuế VAT</i>	<i>13.6</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>
	<i>- Thuế khác</i>	<i>2.0</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>

1.2 Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Kế hoạch 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	Tổng vốn đầu tư	291.83	71.60	143.88	4.88	71.47
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	288.83	71.03	143.38	3.38	71.04
2	Mua sắm tài sản cố định	3.00	0.57	0.50	1.50	0.43
	Nguồn vốn	291.83	71.60	143.88	4.88	71.47
1	Vốn chủ sở hữu	99.12	24.25	45.88	4.88	24.11
2	Vốn vay + khác	192.71	47.35	98.00		47.36

2/ **Kế hoạch tài chính Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Vốn Chủ sở hữu	387.0				
	<i>Trong đó: - Vốn điều lệ</i>	<i>300.0</i>				
	<i>- Tỷ lệ tham gia của TCT</i>	<i>67.7%</i>				
2	Tổng doanh thu	620.0	154.5	154.7	155.6	155.2
2.1	Từ dịch vụ vận tải	546.0	136.1	136.3	137.0	136.6
2.2	Từ dịch vụ thương mại	65.0	16.2	16.2	16.3	16.3
2.3	Từ hoạt động tài chính	9.0	2.2	2.2	2.3	2.3
3	Tổng chi phí	570.0	141.9	141.9	146.1	140.1
3.1	Giá vốn hàng bán	532.7	132.5	132.7	136.7	130.8
	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>468.1</i>	<i>116.4</i>	<i>116.6</i>	<i>120.5</i>	<i>114.6</i>
	<i>Dịch vụ thương mại</i>	<i>64.6</i>	<i>16.1</i>	<i>16.1</i>	<i>16.2</i>	<i>16.2</i>
3.2	Chi phí hoạt động tài chính	1.3	0.5	0.3	0.3	0.2
3.3	Chi phí bán hàng	2.6	0.6	0.6	0.7	0.7
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.4	8.3	8.3	8.4	8.4
4	Lợi nhuận trước thuế	50.0	12.6	12.8	9.5	15.1
5	Lợi nhuận sau thuế	40.0	10.1	10.2	7.6	12.1
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	13.3%				
7	Tỷ lệ chia cổ tức	12%				
8	Nộp ngân sách Nhà nước	22.0	5.5	5.6	4.9	6.0
	<i>Trong đó: - Thuế thu nhập DN</i>	<i>10.0</i>	<i>2.5</i>	<i>2.6</i>	<i>1.9</i>	<i>3.0</i>
	<i>- Thuế VAT</i>	<i>10.8</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>
	<i>- Thuế khác</i>	<i>1.2</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>

30.
 N
 PHẢI
 TẾ
 CHỈ

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số ...02../NQ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016)

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016						Ghi chú
			Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
			Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	1	2	3	7	8	9	10
	Tổng cộng (=A+B)	Tỷ đồng	1,631.30	491.49	1,139.81	291.83	99.12	192.71	-
A	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1,628.30	488.49	1,139.81	288.83	96.12	192.71	-
I	Dự án nhóm A	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53	-	-
1	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53	-	-
1.1	Đầu tư tàu chở VLGC dung tích 85.000 m3	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53		
II	Dự án nhóm B	Tỷ đồng	275.30	82.59	192.71	275.30	82.59	192.71	
1	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	275.30	82.59	192.71	275.30	82.59	192.71	
1.1	Đầu tư 01 tàu chở LPG trọng tải dưới 4.000DWT	Tỷ đồng	140.00	42.00	98.00	140.00	42.00	98.00	
1.2	Đầu tư 02 xà lan chở LPG trọng tải đến 700DWT	Tỷ đồng	135.30	40.59	94.71	135.30	40.59	94.71	
B	Mua sắm tài sản	Tỷ đồng	3.00	3.00	-	3.00	3.00	-	-
1	Sửa chữa mua sắm thiết bị văn phòng và trang thiết bị cho đội tàu	Tỷ đồng	3.00	3.00		3.00	3.00		



Số: 04/QĐ-VTSPK-HĐQT

Tp.HCM, ngày 12 tháng 1 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**


- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2013;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc Công ty ban hành kèm theo QĐ số 06/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 27/3/2014 của HĐQT;
- Căn cứ công văn 928/VTDK-KHĐT ngày 15/12/2015 của Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí về việc chấp thuận kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty Gasshipping;
- Căn cứ Nghị quyết số: 02/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 11/1/2016 của HĐQT;
- Theo đề nghị của Giám đốc công ty tại Tờ trình số 1435/TTr-VTSPK ngày 30/12/2015.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Giao nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty Cổ phần Vận tải sản phẩm khí Quốc tế như Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016.

Điều 3: Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành nhiệm vụ và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao./.

Nơi nhận: 
-Như Điều 3;
-Ban kiểm soát;
-Lưu VT, HĐQT,(KP. 02).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tài Cường

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ (Kèm theo Quyết định số ...04.../QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016)

I. Nhiệm vụ năm 2016:

- Khai thác hiệu quả, an toàn đội tàu vận chuyên LPG, đảm bảo vai trò đầu mối cung cấp tàu cho các đơn vị trong tập đoàn như Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn, Tổng công ty Khí Việt Nam/Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí và các khách hàng trong và ngoài nước. Giữ vững thị trường vận chuyên LPG trong nước và chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả khai thác.
- Hoàn thiện phương án vận tải và chuẩn bị đầu tư phương tiện để sẵn sàng vận chuyên toàn bộ sản lượng LPG bằng đường thủy cho Nhà máy Xử lý khí GPP Cà Mau của PV Gas/PV Gas Trading, đáp ứng đúng tiến độ vận hành của Nhà máy.
- Nghiên cứu triển khai đầu tư thay thế tàu đến hạn theo đúng quy định trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Tổ chức sửa chữa định kỳ tàu Cửu Long Gas, Sài Gòn Gas và Oceanus 9 đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.
- Nghiên cứu đánh giá xu hướng thị trường vận tải LPG và đưa ra dự báo để có phương án và xác định thời điểm đầu tư 01 tàu vận chuyên LPG lạnh (có trọng tải đến 80.000 cbm - VLGC) tham gia vận chuyên trên thị trường quốc tế, chuẩn bị cho công tác vận chuyên đối với Dự án Hóa dầu miền Nam.
- Hoàn thành công tác tái cấu trúc Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt theo đúng chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty .
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Phấn đấu lấy được giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) để sẵn sàng đưa tàu ra khai thác trên thị trường quốc tế.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng công ty phát động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

1/ Kế hoạch hợp nhất:

1.1 Kế hoạch tài chính:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Vốn Chủ sở hữu	480.0				
	<i>Trong đó: - Vốn điều lệ</i>	<i>300.0</i>				
2	Tổng doanh thu	1,000.0	241.2	253.7	252.0	253.1
2.1	Từ dịch vụ vận tải	569.2	142.0	142.2	142.4	142.6
2.2	Từ dịch vụ thương mại	415.0	96.8	103.1	107.1	108.0
2.3	Từ dịch vụ khác	0.8	0.2	0.2	0.2	0.2
2.4	Từ hoạt động tài chính	9.0	2.2	2.2	2.3	2.3
2.5	Từ hoạt động khác	6.0	-	6.0		
3	Tổng chi phí	918.0	223.3	233.1	233.1	228.5
3.1	Giá vốn hàng bán	853.0	207.6	217.6	216.1	211.7
	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>439.1</i>	<i>111.0</i>	<i>114.8</i>	<i>109.3</i>	<i>104.0</i>
	<i>Dịch vụ thương mại</i>	<i>413.9</i>	<i>96.6</i>	<i>102.8</i>	<i>106.8</i>	<i>107.7</i>
	<i>Dịch vụ khác</i>	<i>-</i>				
3.2	Chi phí hoạt động tài chính	9.0	1.8	1.6	2.9	2.7
3.3	Chi phí bán hàng	2.6	0.6	0.6	0.7	0.7
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.4	13.3	13.3	13.4	13.4
4	Lợi nhuận trước thuế	82.0	17.9	20.6	18.9	24.6
5	Lợi nhuận sau thuế	65.6	14.3	16.5	15.1	19.7
6	Nộp ngân sách Nhà nước	32.0	7.5	8.0	7.7	8.8
	<i>Trong đó: - Thuế thu nhập DN</i>	<i>16.4</i>	<i>3.6</i>	<i>4.1</i>	<i>3.8</i>	<i>4.9</i>
	<i>- Thuế VAT</i>	<i>13.6</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>	<i>3.4</i>
	<i>- Thuế khác</i>	<i>2.0</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>	<i>0.5</i>

1.2 Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Kế hoạch 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	Tổng vốn đầu tư	291.83	71.60	143.88	4.88	71.47
1	Đầu tư xây dựng cơ bản	288.83	71.03	143.38	3.38	71.04
2	Mua sắm tài sản cố định	3.00	0.57	0.50	1.50	0.43
	Nguồn vốn	291.83	71.60	143.88	4.88	71.47
1	Vốn chủ sở hữu	99.12	24.25	45.88	4.88	24.11
2	Vốn vay + khác	192.71	47.35	98.00		47.36

2/ Kế hoạch tài chính Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2016	Trong đó:			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Vốn Chủ sở hữu	387.0				
	<i>Trong đó: - Vốn điều lệ</i>	<i>300.0</i>				
	<i>- Tỷ lệ tham gia của TCT</i>	<i>67.7%</i>				
2	Tổng doanh thu	620.0	154.5	154.7	155.6	155.2
2.1	Từ dịch vụ vận tải	546.0	136.1	136.3	137.0	136.6
2.2	Từ dịch vụ thương mại	65.0	16.2	16.2	16.3	16.3
2.3	Từ hoạt động tài chính	9.0	2.2	2.2	2.3	2.3
3	Tổng chi phí	570.0	141.9	141.9	146.1	140.1
3.1	Giá vốn hàng bán	532.7	132.5	132.7	136.7	130.8
	<i>Dịch vụ vận tải</i>	<i>468.1</i>	<i>116.4</i>	<i>116.6</i>	<i>120.5</i>	<i>114.6</i>
	<i>Dịch vụ thương mại</i>	<i>64.6</i>	<i>16.1</i>	<i>16.1</i>	<i>16.2</i>	<i>16.2</i>
3.2	Chi phí hoạt động tài chính	1.3	0.5	0.3	0.3	0.2
3.3	Chi phí bán hàng	2.6	0.6	0.6	0.7	0.7
3.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.4	8.3	8.3	8.4	8.4
4	Lợi nhuận trước thuế	50.0	12.6	12.8	9.5	15.1
5	Lợi nhuận sau thuế	40.0	10.1	10.2	7.6	12.1
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	13.3%				
7	Tỷ lệ chia cổ tức	12%				
8	Nộp ngân sách Nhà nước	22.0	5.5	5.6	4.9	6.0
	<i>Trong đó: - Thuế thu nhập DN</i>	<i>10.0</i>	<i>2.5</i>	<i>2.6</i>	<i>1.9</i>	<i>3.0</i>
	<i>- Thuế VAT</i>	<i>10.8</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>	<i>2.7</i>
	<i>- Thuế khác</i>	<i>1.2</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>	<i>0.3</i>

Phụ lục 02
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2016
 (Kèm theo Quyết định số ...04.../QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 12/01/2016)

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016						Ghi chú
			Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó		
			Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	C	1	2	3	7	8	9	10
	Tổng cộng (=A+B)	Tỷ đồng	1,631.30	491.49	1,139.81	291.83	99.12	192.71	-
A	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1,628.30	488.49	1,139.81	288.83	96.12	192.71	-
I	Dự án nhóm A	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53	-	-
1	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53	-	-
1.1	Đầu tư tàu chở VLGC dung tích 85.000 m3	Tỷ đồng	1,353.00	405.90	947.10	13.53	13.53		
II	Dự án nhóm B	Tỷ đồng	275.30	82.59	192.71	275.30	82.59	192.71	
1	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	275.30	82.59	192.71	275.30	82.59	192.71	
1.1	Đầu tư 01 tàu chở LPG trọng tải dưới 4.000DWT	Tỷ đồng	140.00	42.00	98.00	140.00	42.00	98.00	
1.2	Đầu tư 02 xà lan chở LPG trọng tải đến 700DWT	Tỷ đồng	135.30	40.59	94.71	135.30	40.59	94.71	
B	Mua sắm tài sản	Tỷ đồng	3.00	3.00	-	3.00	3.00	-	-
1	Sửa chữa mua sắm thiết bị văn phòng và trang thiết bị cho đội tàu	Tỷ đồng	3.00	3.00		3.00	3.00		

